

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN

CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và 04 lần được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 2 năm 2026 do thay đổi vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
- Điện thoại : 0216 351 1222

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Minh Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hà Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Đình Chinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025
Ông Mai Đình Đình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 02 năm 2023
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2019
Ông Hoàng Văn Thái	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2025
Ông Phan Thế Tùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2025
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc



Hoàng Anh Quân

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 2.0424/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.4 và V.12a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các giao dịch bù trừ công nợ ba bên, ghi nhận tăng đồng thời khoản “Phải thu khách hàng”, “Phải trả nhà cung cấp” và “Trả trước cho người bán”, tổng cộng 29.000.000.000 VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chứng minh tính phù hợp của việc ghi nhận các nghiệp vụ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng, nếu có, của vấn đề nêu trên đến các khoản mục “Phải thu khách hàng”, “Trả trước cho người bán” và “Phải trả nhà cung cấp” tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.15 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc trình bày, phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

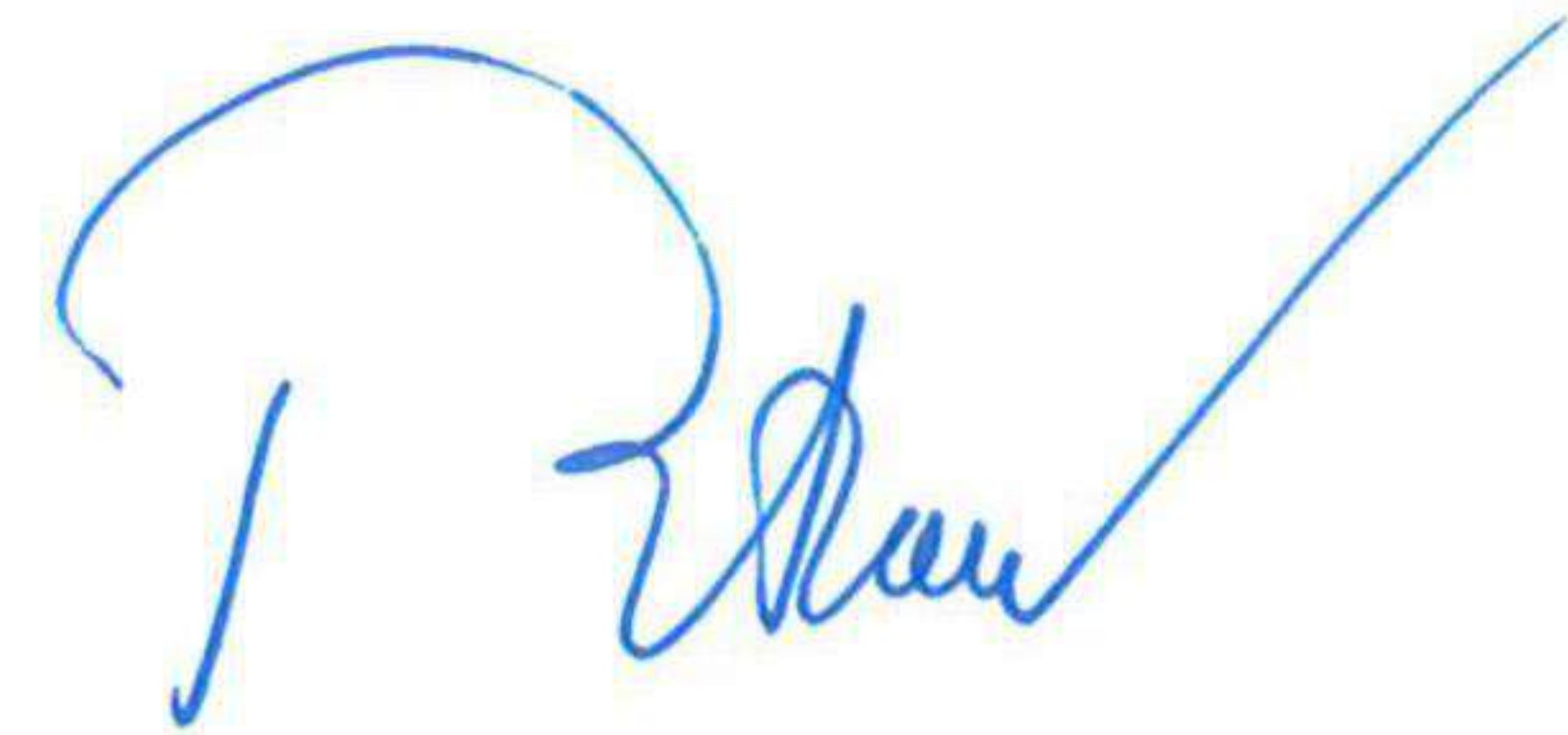


Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		393.979.124.920	316.019.111.793
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.605.042.472	5.375.147.510
1. Tiền	111		18.605.042.472	5.375.147.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.037.687.671	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2.037.687.671	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		234.211.993.390	158.950.741.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	206.378.532.511	140.302.636.107
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.073.078.278	17.349.531.861
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.078.109.183	3.616.299.698
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.317.726.582)	(2.317.726.582)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		104.073.895.312	106.083.660.683
1. Hàng tồn kho	141	V.7	104.073.895.312	106.083.660.683
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.050.506.075	40.609.562.516
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.523.802.402	3.959.766.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.457.090.323	35.219.364.392
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	69.613.350	1.430.431.245
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.038.508.077	307.644.478.662
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	228.037.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	228.037.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		295.857.640.466	298.420.094.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	201.939.089.413	240.849.686.734
Nguyên giá	222		319.812.796.926	357.894.394.082
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.873.707.513)	(117.044.707.348)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	93.622.948.906	57.200.805.901
Nguyên giá	225		136.432.358.848	66.836.193.210
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(42.809.409.942)	(9.635.387.309)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	295.602.147	369.602.151
Nguyên giá	228		440.500.000	440.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.897.853)	(70.897.849)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.180.867.611	8.996.346.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.180.867.611	8.996.346.276
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714.017.632.997	623.663.590.455

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		498.304.090.880	436.428.829.368
I. Nợ ngắn hạn	310		378.907.788.514	313.644.381.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	102.606.244.752	60.885.247.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.213.229.105	1.009.387.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.124.433.419	72.825.296
4. Phải trả người lao động	314		7.004.137.342	4.820.457.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.085.193.890	6.049.346.415
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		73.535.316	1.035.789.525
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	259.801.014.690	239.771.328.331
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		119.396.302.366	122.784.447.694
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	24.456.866.928	23.022.986.928
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	94.939.435.438	99.761.460.766
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.713.542.117	187.234.761.087
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	215.713.542.117	187.234.761.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		178.746.450.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		178.746.450.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.500.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.416.238.169	8.416.238.169
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.678.353.948	35.819.722.918
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		72.072.918	35.819.722.918
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.606.281.030	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		714.017.632.997	623.663.590.455

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh

Đào Thị Dịu

Hoàng Anh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	876.907.824.650	771.126.424.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.122.828.920	327.305.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		875.784.995.730	770.799.119.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	557.897.775.510	531.178.535.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		317.887.220.220	239.620.583.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.699.999.524	8.560.217.337
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22.780.996.671	23.750.436.894
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.179.715.752	20.497.866.556
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	251.696.957.373	196.455.978.660
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.937.233.566	9.923.848.029
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.172.032.134	18.050.537.602
12. Thu nhập khác	31		146.104.598	77.471.121
13. Chi phí khác	32	VI.8	330.085.205	535.132.568
14. Lợi nhuận khác	40		(183.980.607)	(457.661.447)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.988.051.527	17.592.876.155
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		7.381.770.497	4.261.095.643
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.606.281.030	13.331.780.512
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.606.281.030	13.331.780.512
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.600	746
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.600	746

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Đào Thị Dịu

Hoàng Anh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.988.051.527	17.592.876.155
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	34.119.277.236	29.279.313.877
- Các khoản dự phòng	03		-	(763.479.234)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	508.572.323	166.513.779
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(329.728.753)	(325.810.758)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	20.179.715.752	20.497.866.556
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.465.888.085	66.447.280.375
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.365.252.231)	(26.274.279.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(356.763.563)	(36.230.153.374)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.101.390.323	25.166.555.545
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.748.556.858)	(1.074.684.250)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.972.897.404)	(20.868.941.969)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(6.105.798.298)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.123.808.352	1.059.978.458
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29.148.039.548)	(38.286.405.347)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	203.703.704
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(22.969.443.011)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	28.682.669.011
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		287.474.319	299.783.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.860.565.229)	(32.069.691.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	744.025.884.089	689.586.584.045
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(714.903.629.607)	(657.451.449.015)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.15	(14.156.159.223)	(10.097.488.175)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.149.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.966.095.259	14.887.706.855
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.229.338.382	(16.122.006.343)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.375.147.510	21.497.749.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		556.580	(595.939)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	18.605.042.472	5.375.147.510

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan Anh

Đào Thị Dịu

Hoàng Anh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO_3 .

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Nhóm công ty

Thành lập công ty con

Thực hiện Nghị quyết số 2519/NQ-HĐQT ngày 27/10/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xăng dầu Petronova (“Petronova”) với số vốn góp 8.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ của Petronova. Ngày 29 tháng 10 năm 2025, Công ty Cổ phần Xăng dầu Petronova đã được Sở Tài chính tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200959956, với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Xăng dầu Petronova có trụ sở chính tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là kinh doanh xăng, dầu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 1.000.000.000 VND, tương ứng với 100.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ. Số vốn còn phải góp theo cam kết là 7.000.000.000 VND. Công ty con mới được thành lập và chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2025 là năm đầu tiên Nhóm công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất do mới thành lập công ty con. Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty mẹ đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm công ty có 241 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: 241 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhóm công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Nhóm công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 96 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Nhóm công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty chỉ bao gồm phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Nhóm công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	173.212.639	224.609.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.431.829.833	5.150.537.631
Cộng	18.605.042.472	5.375.147.510

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lãi suất 3,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần, tương ứng giá trị 12.000.000.000 VND, chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Tin, với giá mua bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Các bên chuyển nhượng cổ phần gồm: bà Cao Nữ Thùy Dương (550.000 cổ phần, tương ứng 6,88% vốn điều lệ), ông Trần Bình Minh (320.000 cổ phần, tương ứng 4,0% vốn điều lệ) và ông Lưu Văn Hoàng (330.000 cổ phần, tương ứng 4,12% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình hoạt động của đơn vị nhận đầu tư

Công ty Cổ phần Nhựa Tin mới thành lập tháng 01 năm 2025, đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>79.632.017.790</i>	<i>64.856.947.114</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	1.798.642.900	1.808.474.800
Công ty Cổ phần Polyfill	9.380.786.010	11.327.219.592
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	8.378.616.950	51.630.079.222
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	26.372.500	91.173.500
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái ^(*)	60.047.599.430	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>126.746.514.721</i>	<i>75.445.688.993</i>
Cộng	206.378.532.511	140.302.636.107
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng khu vực trong nước</i>	<i>150.176.338.258</i>	<i>109.462.154.526</i>
<i>Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài</i>	<i>56.202.194.253</i>	<i>30.840.481.581</i>
Cộng	206.378.532.511	140.302.636.107

(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng nguyên tắc số 57/2025/HĐNT/YBM-PLF ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc cung cấp sản phẩm bột đá canxi cacbonat theo đơn đặt hàng của Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái, có thời hạn thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày bàn giao hàng hoá hoặc theo từng đợt giao hàng. Toàn bộ số phát sinh trong năm chưa được thanh toán tại ngày 31/12/2025. Các bên đã ký Phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 1 năm 2026, theo đó, điều chỉnh thời hạn thanh toán trong vòng 150 ngày kể từ ngày giao hàng (hoặc theo từng đợt giao hàng).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>17.392.879.005</i>	<i>5.729.911.456</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan ^(*)	17.392.879.005	5.729.911.456
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>4.680.199.273</i>	<i>11.619.620.405</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tâm An	-	2.203.519.500
Các nhà cung cấp khác	4.680.199.273	9.416.100.905
Cộng	22.073.078.278	17.349.531.861

(*) Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2024/YBM-SIMCO ngày 1 tháng 5 năm 2024 về việc mua bán đá CaCO3 dạng cục, Công ty đặt cọc 40% tổng giá trị lượng đá nhập theo năm (chưa bao gồm thuế GTGT). Theo Biên bản thỏa thuận số 01/BB/YBM-SIMCO-TB ngày 01 tháng 01 năm 2025 và Biên bản thỏa thuận số 02/BB/YBM-SIMCO-TB ngày 01 tháng 04 năm 2025 giữa 3 bên, gồm: Công ty (Bên A), Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan (Bên B) và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đá trắng Tây Bắc (Bên C), sau khi cân trừ công nợ, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B số tiền 11.000.000.000 VND và ghi nhận là khoản ứng trước tiền hàng; đồng thời ghi nhận tăng phải trả nhà cung cấp cho Bên C số tiền tương ứng.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	248.037.600	-	20.000.000	-
Thuế GTGT thuê tài chính	3.769.938.626	-	2.130.349.151	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.060.132.957	-	1.465.950.547	-
Cộng	8.078.109.183	-	3.616.299.698	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược thuê tài chính dài hạn.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản phải thu khó đòi sau đây đã được trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	1.070.540.942
Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	982.514.540
Các tổ chức và cá nhân khác	264.671.100	264.671.100
Cộng	2.317.726.582	2.317.726.582

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.317.726.582	3.081.205.816
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(763.479.234)
Số cuối năm	2.317.726.582	2.317.726.582

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	83.772.954.677	-	87.078.655.567	-
Công cụ, dụng cụ	7.581.628.668	-	11.268.299.945	-
Thành phẩm	2.581.237.511	-	6.333.989.759	-
Hàng hóa	4.626.989.660	-	-	-
Hàng gửi đi bán	5.511.084.796	-	1.402.715.412	-
Cộng	104.073.895.312	-	106.083.660.683	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.188.670.606	2.799.868.998
Chi phí sửa chữa	169.477.069	224.080.236
Chi phí bảo hiểm	43.357.108	511.750.844
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	122.297.619	424.066.801
Cộng	3.523.802.402	3.959.766.879

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	445.458.282	561.069.766
Chi phí san lấp mặt bằng ⁽ⁱ⁾	7.204.331.301	7.385.840.001
Chi phí sửa chữa ⁽ⁱⁱ⁾	4.374.703.153	721.973.780
Các chi phí trả trước dài hạn khác	156.374.875	327.462.729
Cộng	12.180.867.611	8.996.346.276

(i) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016. Giá trị thi công san lấp mặt bằng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.15a).

(ii) Là chi phí sửa chữa các hạng mục nhà máy tại Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Các chi phí sửa chữa này được phân bổ từ 24 đến 96 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	90.907.316.512	241.871.671.616	20.740.678.006	1.513.976.303	2.860.751.645	357.894.394.082
Mua trong năm	-	4.162.742.934	-	154.416.000	-	4.317.158.934
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.105.680.157	1.834.343.189	-	-	2.814.384.602	14.754.407.948
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính (*)	-	(56.634.764.038)	-	-	-	(56.634.764.038)
Giảm khác	(518.400.000)	-	-	-	-	(518.400.000)
Số cuối năm	100.494.596.669	191.233.993.701	20.740.678.006	1.668.392.303	5.675.136.247	319.812.796.926
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.855.908.599	8.272.031.153	1.587.850.232	451.876.455	540.522.000	12.708.188.439
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	25.333.496.497	80.265.301.537	10.113.533.542	772.554.543	559.821.229	117.044.707.348
Khấu hao trong năm	6.531.297.102	17.060.614.458	2.284.089.650	259.967.280	764.144.816	26.900.113.306
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính (*)	-	(26.028.858.707)	-	-	-	(26.028.858.707)
Giảm khác	(42.143.756)	-	-	-	(110.678)	(42.254.434)
Số cuối năm	31.822.649.843	71.297.057.288	12.397.623.192	1.032.521.823	1.323.855.367	117.873.707.513
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	65.573.820.015	161.606.370.079	10.627.144.464	741.421.760	2.300.930.416	240.849.686.734
Số cuối năm	68.671.946.826	119.936.936.413	8.343.054.814	635.870.480	4.351.280.880	201.939.089.413
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Xem Thuyết minh V.15.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 109.746.518.381 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.15).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	59.656.193.210	7.180.000.000	66.836.193.210
Thuê tài chính trong năm	11.342.539.782	1.618.861.818	12.961.401.600
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	56.634.764.038	-	56.634.764.038
Số cuối năm	127.633.497.030	8.798.861.818	136.432.358.848
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.938.281.684	1.697.105.625	9.635.387.309
Khấu hao trong năm	5.813.505.568	1.331.658.358	7.145.163.926
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	26.028.858.707	-	26.028.858.707
Số cuối năm	39.780.645.959	3.028.763.983	42.809.409.942
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	51.717.911.526	5.482.894.375	57.200.805.901
Số cuối năm	87.852.851.071	5.770.097.835	93.622.948.906

(*) Xem Thuyết minh V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	440.500.000	(70.897.849)	369.602.151
Khấu hao trong năm	-	(74.000.004)	(74.000.004)
Số cuối năm	440.500.000	(144.897.853)	295.602.147
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	70.500.000		

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	24.722.230.534	996.776.443
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam (*)	22.904.333.164	468.390.275
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	18.528.510	250.186.168
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	962.871.694	216.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	836.497.166	62.200.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	77.884.014.218	59.888.470.950
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đá Trắng Tây Bắc	7.018.215.470	2.866.611.444
Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	4.831.627.087	10.288.180.034
Công ty TNHH Bao bì Việt Bắc	13.195.669.348	7.559.255.448
Công ty Cổ phần HCP Logistic	2.884.685.000	6.604.374.015
Các nhà cung cấp khác	49.953.817.313	32.570.050.009
Cộng	102.606.244.752	60.885.247.393
Trong đó:		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	94.051.423.994	54.274.309.408
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	8.554.820.758	6.610.937.985
Cộng	102.606.244.752	60.885.247.393

(*) Khoản phải trả theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2024/YBM-MARBLE ngày 2 tháng 1 năm 2024 về việc mua bán đá CaCO3 dạng cục, có thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024, và được tự động gia hạn 12 tháng tiếp theo.

Số dư phải trả cho Marble Việt Nam tăng trong năm là 22.486.629.489 VND, bao gồm:
Theo Biên bản thỏa thuận số 02/BB/YBM-MB ngày 01 tháng 01 năm 2025 và Biên bản thỏa thuận số 03/BB/YBM-MB-EP ngày 01 tháng 04 năm 2025 giữa 3 bên, gồm: Công ty (Bên A), Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái (Bên B) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam (Bên C), sau khi cân trừ công nợ, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Bên C số tiền 18.000.000.000 VND và ghi nhận là khoản phải trả người bán; đồng thời ghi nhận tăng phải thu Bên B số tiền tương ứng.

12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (*)	24.456.866.928	19.956.866.928
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	18.693.682.436	14.193.682.436
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	2.301.303.192	2.301.303.192
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.461.881.300	3.461.881.300
Phải trả các nhà cung cấp khác	-	3.066.120.000
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd	-	3.066.120.000
Cộng	24.456.866.928	23.022.986.928

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong đó:		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	24.456.866.928	19.956.866.928
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	-	3.066.120.000
Cộng	24.456.866.928	23.022.986.928

(*) Các khoản phải trả về mua Acid, Vật tư, máy móc theo đơn đặt hàng, có thời hạn thanh toán từ 24 tháng đến 36 tháng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.321.362.293	(1.321.362.293)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	113.627.300	18.841.729.067	(18.770.555.277)	-	42.453.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.316.803.945	7.381.770.497	-	6.064.966.552	-
Thuế thu nhập cá nhân	72.575.296	-	233.616.883	(246.725.312)	59.466.867	-
Tiền thuê đất	-	-	63.372.960	(90.532.800)	-	27.159.840
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	250.000	-	51.696.574	(51.946.574)	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	72.825.296	1.430.431.245	27.897.548.274	(20.485.122.256)	6.124.433.419	69.613.350

Thuế giá trị gia tăng
Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu
Nhóm công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Các công ty trong Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất Nhóm Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:		
Vị trí đất	Diện tích	Mức tiền thuê
Khu công nghiệp Phía Nam, Phường Văn Phú, Lào Cai	7.359,5 m ²	2.250 VND/m ²
Khu công nghiệp Phía Nam, Phường Văn Phú, Lào Cai	32.877,3 m ²	2.250 VND/m ²

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	497.352.072	290.533.724
Trích trước chi phí làm hàng xuất khẩu	587.841.818	5.758.812.691
Cộng	1.085.193.890	6.049.346.415

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	171.467.706.508	125.737.850.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Sở giao dịch I ⁽ⁱⁱ⁾	88.333.308.182	114.033.477.452
Cộng	259.801.014.690	239.771.328.331

Nhóm công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bột đá với hạn mức tín dụng 180 tỷ VND; thời hạn vay từng lần tối đa không quá 6 tháng; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, từ 3,85%-5,70%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của các cổ đông trong Công ty tối thiểu 51% vốn điều lệ (Trong đó, cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu tối thiểu 23%); tài sản gắn liền với đất hình thành từ Dự án bột đá CaCO₃; quyền tài sản từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; hàng tồn kho và phải thu luân chuyển của Công ty hình thành từ vốn vay Ngân hàng; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 140 tỷ VND; thời hạn từ 161-165 ngày; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, từ 5,50%-5,70%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất (đất thuê dài hạn trả tiền thuê hàng năm), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty; giá trị san lấp mặt bằng (Xem thuyết minh số V.8b) và một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	239.771.328.331	232.018.698.187
Số tiền vay phát sinh	717.938.821.769	654.526.504.045
Số tiền vay đã trả	(698.103.412.881)	(646.773.873.901)
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá phát sinh	(58.770.676)	-
Tăng do đánh giá lại tỷ giá cuối năm	253.048.147	-
Số cuối năm	259.801.014.690	239.771.328.331

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	41.181.858.658	56.172.384.886
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	12.150.000.000	14.150.000.000
Bà Hồ Nhật Lệ	6.150.000.000	6.150.000.000
Bà Đặng Minh Trang	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nguyên	-	2.000.000.000
Ông Bùi Hai Võ	1.000.000.000	1.000.000.000
Nợ thuê tài chính - Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41.607.576.780	29.439.075.880
Cộng	94.939.435.438	99.761.460.766

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhóm công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong năm 2026 được trình bày tổng hợp trong mục “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, số tiền 32.251.292.831 VND (số đầu năm: 21.935.786.316 VND).

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long nhằm mục đích đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức vay là 65 tỷ VND; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ân hạn 3 tháng; lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần. Lãi suất áp dụng năm 2025 là 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền tài sản từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; hàng tồn kho và phải thu luân chuyển của Công ty tương tự như khoản vay ngắn hạn cùng Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.15a) và tài sản hình thành từ chính vốn vay này.

(ii) Vay tín chấp các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm.

(iii) Thuê tài chính để mua máy móc thiết bị theo các hợp đồng thuê:

Ngày ký kết	Số tiền	Thời hạn thuê	Thời hạn thu hồi nợ gốc	Lãi suất
20/12/2020	102.900 USD	60 tháng	60 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 3%/năm
08/6/2021	757.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng bằng đồng USD cùng thời điểm cộng biên độ 4,5%/năm
08/3/2023	960.000 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,8%/năm
19/6/2023	4.256.600.000 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm
25/7/2023	5.157.294.545 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm
26/2/2025	1.239.200.000 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm
27/6/2025 ^(*)	7.489.416.000 VND	60 tháng	57 tháng, ân hạn 3 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm
30/6/2025 ^(*)	16.076.960.320 VND	36 tháng	36 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch bán và tái thuê tài sản cố định dưới hình thức thuê tài chính, như sau:

Giao dịch	Tài sản	Hợp đồng	Giá bán/giá trị thanh toán	Giá trị thuê lại
Bán và tái thuê TSCĐ mua mới	03 dây chuyền máy tráng phủ bột đá	Hợp đồng mua bán số 129.25.12/CTTC-HĐMB và Hợp đồng thuê tài chính số 129.25.12/CTTC ngày 27/06/2025	Giá bán gồm VAT: 9.361.770.000 VND; trong đó 1.872.354.000 VND được mặc định là đã thanh toán từ ngày hợp đồng có hiệu lực, 5.617.062.000 VND thanh toán bằng chuyển khoản	7.489.416.000 VND (80% giá trị tài sản)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch	Tài sản	Hợp đồng	Giá bán/giá trị thanh toán	Giá trị thuê lại
Bán và tái thuê TSCĐ đang sử dụng	Hệ thống dây chuyền và máy nghiền bột đá	Hợp đồng mua bán số 129.25.11/CTTC-HĐMB và Hợp đồng thuê tài chính số 129.25.11/CTTC ngày 30/06/2025	Giá bán gồm VAT: 32.153.920.640 VND; trong đó 16.076.960.320 VND được mặc định là đã thanh toán từ ngày hợp đồng có hiệu lực, 16.076.960.320 VND thanh toán bằng chuyển khoản	16.076.960.320 VND (50% giá trị tài sản)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	41.181.858.658	14.990.526.228	26.191.332.430
Vay dài hạn các cá nhân	12.150.000.000	-	12.150.000.000
Nợ thuê tài chính	41.607.576.780	17.260.766.603	24.346.810.177
Cộng	94.939.435.438	32.251.292.831	62.688.142.607
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	56.172.384.886	14.924.526.228	41.247.858.658
Vay dài hạn các cá nhân	14.150.000.000	-	14.150.000.000
Nợ thuê tài chính	29.439.075.880	7.011.260.088	22.427.815.792
Cộng	99.761.460.766	21.935.786.316	77.825.674.450

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	56.172.384.886	14.150.000.000	29.439.075.880	99.761.460.766
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-	26.087.062.320	26.087.062.320
Số tiền vay đã trả trong năm	(14.990.526.228)	(2.000.000.000)	(14.031.619.134)	(31.022.145.362)
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	124.540.089	124.540.089
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	-	(11.482.375)	(11.482.375)
Số cuối năm	41.181.858.658	12.150.000.000	41.607.576.780	94.939.435.438

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	142.998.800.000	-	8.416.238.169	29.637.882.406	181.052.920.575
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	13.331.780.512	13.331.780.512
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
Số dư cuối năm trước	142.998.800.000	-	8.416.238.169	35.819.722.918	187.234.761.087
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	-	8.416.238.169	35.819.722.918	187.234.761.087
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	35.747.650.000	-	-	(35.747.650.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(127.500.000)	-	-	(127.500.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	28.606.281.030	28.606.281.030
Số dư cuối năm nay	178.746.450.000	(127.500.000)	8.416.238.169	28.678.353.948	215.713.542.117

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các Cổ đông không kiểm soát chưa góp vốn vào công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	17.874.645	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	17.874.645	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	17.874.645	14.299.880
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

16c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Nhóm công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2025 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu (25% cổ phiếu) : 35.747.650.000 VND

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 104.679,92 USD (Số đầu năm: 104.019,04 USD).

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm công ty có khoản cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động đối với quyền sử dụng đất.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	90.532.800	90.532.800
Trên 1 năm đến 5 năm	452.664.000	452.664.000
Trên 5 năm	3.078.115.200	3.168.648.000
Cộng	3.621.312.000	3.711.844.800

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	75.228.892.548	14.126.804.875
Doanh thu bán thành phẩm	801.678.932.102	756.999.619.871
Cộng	876.907.824.650	771.126.424.746
Trong đó:		
Doanh thu nội địa	446.044.066.157	482.226.683.523
Doanh thu xuất khẩu	430.863.758.493	288.899.741.223
Cộng	876.907.824.650	771.126.424.746

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	10.200.302.710	42.316.091.544
Công ty Cổ phần Polyfill	43.381.074.783	153.023.271.256
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	34.530.590.793	127.081.864.863
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	313.365.000	484.700.000
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái	55.142.132.300	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.640.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	688.913.719	248.411.500
Giảm giá hàng bán	433.915.201	78.893.500
Cộng	1.122.828.920	327.305.000

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	74.451.047.391	14.185.797.571
Giá vốn của thành phẩm đã bán	483.446.728.119	516.992.738.327
Cộng	557.897.775.510	531.178.535.898
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn nội địa	345.907.299.515	386.292.996.081
Giá vốn xuất khẩu	211.990.475.995	144.885.539.817
Cộng	557.897.775.510	531.178.535.898

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	287.474.319	299.783.987
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	53.940.182	7.865.245
Lãi từ vay hoán đổi lãi suất CCS	202.028.345	1.207.559.404
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.156.556.678	7.045.008.701
Cộng	6.699.999.524	8.560.217.337

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	20.179.715.752	20.497.866.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.092.708.596	3.086.056.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	508.572.323	166.513.779
Cộng	22.780.996.671	23.750.436.894

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.087.574.406	7.179.517.284
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.030.005.603	1.502.309.543
Chi phí khấu hao	137.486.118	114.728.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.143.409.626	186.078.491.212
<i>Trong đó: Chi phí vận chuyển</i>	<i>237.790.068.211</i>	<i>185.483.877.743</i>
Các chi phí khác	3.298.481.620	1.580.931.925
Cộng	251.696.957.373	196.455.978.660

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.706.011.731	4.225.741.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	354.011.025	207.703.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.456.081.924	1.174.845.794

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế, phí và lệ phí	2.423.499.013	1.455.036.533
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(763.479.234)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.288.270.740	2.813.089.913
Các chi phí khác	1.709.359.133	810.910.065
Cộng	13.937.233.566	9.923.848.029

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	184.407.167	529.876.436
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	2.323.800
Chi phí khác	145.678.038	2.932.332
Cộng	330.085.205	535.132.568

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước(*)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	28.606.281.030	13.331.780.512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	28.606.281.030	13.331.780.512
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	17.874.645	17.874.645
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.600	746

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.299.880	14.299.880
Ảnh hưởng của 3.574.765 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 15/12/2025	3.574.765	3.574.765
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.874.645	17.874.645

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại, giảm từ 932 VND xuống còn 746 VND, do ảnh hưởng của sự kiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm 2025.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	316.321.474.151	352.709.240.611
Chi phí nhân công	41.885.208.557	37.293.297.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.119.277.236	29.279.313.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.962.359.944	299.860.283.400
Chi phí khác	9.148.216.306	4.177.506.844
Cộng	749.436.536.194	723.319.641.771

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm tiền thù lao phải trả HĐQT, BKS, số tiền 354.000.000 VND (Năm trước: 324.000.000 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	421.883.692	60.000.000	481.883.692
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập		60.000.000	60.000.000
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	353.812.000	-	353.812.000
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc (đến 12/05/2025)	77.418.692	30.000.000	107.418.692
Ông Phan Thế Tùng	Phó Giám đốc (từ 09/10/2025)	81.236.800	-	81.236.800
Ông Hoàng Văn Thái	Phó Giám đốc (từ 09/06/2025)	330.310.000	-	330.310.000
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	67.667.000	-	67.667.000
Ông Hà Văn Hùng	Trưởng BKS (bổ nhiệm từ 27/6/2025)	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Đình Chinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Thành viên BKS (từ 14/06/2025)	-	30.000.000	30.000.000
Cộng		1.332.328.184	354.000.000	1.686.328.184
Năm trước				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	413.614.061	60.000.000	473.614.061
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	347.475.200	-	347.475.200
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc (từ 05/02/2024)	154.000.000	-	154.000.000
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	65.000.000	-	65.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Đình Chinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		980.089.261	324.000.000	1.304.089.261

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco- Fansipan	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Polyfill Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu		
Mua nguyên vật liệu	774.297.166	-
Thuê văn phòng	679.200.000	668.400.000
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu	486.364.754	-
Mua tài sản cố định	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ		
Mua nguyên vật liệu	3.306.710.460	227.441.971
Mua tài sản cố định	620.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	-	196.162.475.286
Thuê dịch vụ vận chuyển	76.221.032.455	1.365.000.000
Bù trừ công nợ 03 bên ⁽ⁱ⁾	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái		
Bù trừ công nợ 03 bên ⁽ⁱ⁾	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan		
Mua nguyên vật liệu	9.930.332.115	11.767.662.480
Mua công cụ, dụng cụ	15.500.000	-
Thuê dịch vụ vận chuyển	69.767.530	-
Thuê dịch vụ bốc xúc đá	2.736.246.690	-
Bù trừ công nợ 03 bên ⁽ⁱⁱ⁾	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Polyfill		
Mua hàng hoá	993.418.450	-

(i) Xem thuyết minh số V.12a

(ii) Xem thuyết minh số V.4

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu dùng cổ phần sở hữu của mình tại Công ty để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long cho số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này, tối đa là 32.889.724.000 VND (tương đương 23% vốn điều lệ của Công ty) (Xem thuyết minh số V.15a).

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Nhóm công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.2. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Nhóm công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3 và V.12. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Nhóm công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

Công ty con hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nhưng mới thành lập, chưa hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã phân phối hết 14.299.880 cổ phiếu chào bán, với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu, thu về tổng số tiền 142.998.800.000 VND. Trong đó, 10.920.472 cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu và 3.379.408 cổ phiếu được phân phối cho các nhà đầu tư khác. Ngày 25 tháng 02 năm 2026, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 liên quan đến việc tăng vốn điều lệ.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 25/QĐ-TT về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại 06 doanh nghiệp, trong đó có Công ty. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025; trường hợp cần thiết, có thể xem xét các nội dung liên quan trước và sau thời kỳ này. Thời hạn thanh tra là 45 ngày kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra, không bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Đoàn thanh tra chưa ban hành kết luận thanh tra.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Nhóm công ty không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Lan Anh

Đào Thị Dịu

Hoàng Anh Quân